

Cùng trú tại: Thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ: số 18 đường L, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Cư, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam. Địa chỉ: số 99A, Hùng Vương, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam (văn bản ủy quyền ngày 17/10/2018); Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1935; *Vắng mặt.*

Trú tại: Thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

***Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Đức Th là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H là bị đơn.

***Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2018, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 trình bày:

Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Trần Thế Đ1 và bà Nguyễn Liên H2 vào ngày 24/10/2017 đối với diện tích 2.591m², tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8, tại thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam, (trong đó loại đất ở nông thôn là: 300m², loại đất trồng cây lâu năm là: 2.291 m²).

Nguồn gốc diện tích đất là của ông Trần Thế Đ1 nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Kim H1 vào ngày 07/7/2017.

Ngày 19/11/2017, vợ chồng ông bà tiến hành xây dựng tường rào nhằm xác định ranh giới thửa đất nói trên thì ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H không cho xây dựng và nói ông bà xâm chiếm đất của ông B và bà H với diện tích đất qua đo đạc thực tế hiện nay là 167,2m².

Do đó, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp 167,2m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông bà và buộc ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm là 167,2m² tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8, thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam cho vợ chồng ông bà.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ bà Phạm Thị H để lại cho vợ

chồng bà làm nhà ở và sinh sống từ năm 1979. Ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp Giấy CNQSD đất số BQ 975307 đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.482,5m² tại thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam vào ngày 18/11/2016.

Diện tích đất tranh chấp là của vợ chồng ông bà vì hiện nay trên đất có cây thông liễu và cây lâu năm trên đất của ông bà. Vì vậy, ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSD đất số BQ 975302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/11/2016 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H1.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam trình bày:

Hộ bà Nguyễn Thị Kim H1 sử dụng đất và được UBND thành phố T2 cấp Giấy chứng nhận số BB 330324 ngày 31/12/2010 đối với thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 6, diện tích: 2.599,0m² (nay là thửa đất số 230, tờ bản đồ số 08, diện tích: 2591,0 m²), địa chỉ thửa đất: thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2012, khi thực hiện dự án xây dựng cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính vùng Đông Thành phố T2, hộ bà Nguyễn Thị Kim H1 lập thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, với thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 02/ĐK).

- Kết quả đo đạc địa chính thửa đất

- Bản mô tả ranh giới, mốc giới

- Trích lục bản đồ địa chính

- Giấy chứng nhận số: BB 330324 ngày 31/12/2010 của UBND thành phố T2 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H1.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T2 đã kiểm tra hoàn thiện, ký xác nhận và trình hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam.

Qua xem xét kết quả thẩm định hồ sơ của Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam; căn cứ Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Điều 38 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UB ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND các huyện, UBND thành phố và các cơ quan đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng

Đăng ký đất đai Quảng Nam. Xét thấy hồ sơ đảm bảo quy định pháp luật nên ngày 18/11/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam đã ký, cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 975302 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H1 tại thửa (mới) số 230, tờ bản đồ (mới) số 8, địa chỉ thửa đất thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 2.591m² (giảm 8m² do sai số đo đạc) loại đất: đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 2.291m² tại thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2017, bà Nguyễn Thị Kim H1 lập thủ tục thừa kế và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T2 chỉnh lý biên động ngày 07/7/2017. Tháng 10/2018 bà Nguyễn Thị Kim H1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Thế Đ1, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T2 chỉnh lý biên động ngày 02/8/2017; ngày 24/10/2017, ông Trần Thế Đ1, bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông Đ1) lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T1 và được Văn phòng Công chứng Thành phố T2 công chứng số: 2366, quyền số 0110-TP/CC-SCC/HĐGD.

Theo Trích đo địa chính khu đất số 02/VPĐK (kèm theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2019) thì diện tích được xác định theo ranh giới, mốc giới do các bên cắm mốc thì diện tích thực tế của thửa số 230 do ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 đang sử dụng là 2.133,6m², giảm 457,4m² so với Giấy chứng nhận số BQ 975302 ngày 18/11/2016 (không Bo gồm diện tích đất đang tranh chấp là 167,2m² và chồng lấn là 12,9m²).

Ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H sử dụng đất và được UBND thành phố T2 cấp Giấy chứng nhận số AL 830478 ngày 26/8/2008 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 06, diện tích: 2.164,0m² (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 09, diện tích: 2.482,5m²), địa chỉ thửa đất: thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam. Ngày 20/6/2012, ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận theo Cơ sở dữ liệu vùng đông Thành phố T2 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận số BQ 975307 ngày 18/11/2016 tại thửa đất số 06 nói trên. Theo Trích đo địa chính khu đất số 02/VPĐK (kèm theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2019) thì diện tích thực tế của thửa đất số 06 do ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H đang sử dụng là 2.501,2m², tăng 18,7m² so với Giấy chứng nhận số BQ 975307 ngày 18/11/2016 (không Bo gồm diện tích đất đang tranh chấp là 167,2m²).

Từ nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam khẳng định việc cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 975302 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H1 ngày 18/11/2016 là đúng quy định pháp luật, nên không có cơ sở để hủy Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 11, 14, 133, 164 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H trả lại diện tích đất tranh chấp 167,2m² tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8, thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

- Công nhận diện tích đất 167,2m² tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8, thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1, (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Giao cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 được sở hữu, quản lý, sử dụng: 15 cây thông liễu (d>30cm), 22 cây thông liễu (d: 15-30cm), 12 cây thông liễu (d: 5-15cm), 04 cây keo (d: 5-15cm), 12 cây keo (d<5cm) có trên diện tích đất tranh chấp 167,2m² tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8, thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 phải trả giá trị cây là 2.850.000đ cho ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H. (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

- Không chấp nhận yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 975302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/11/2016 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định, đo vẽ diện tích đất tranh chấp và định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, ông Nguyễn Đức Th và bà Phạm Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có Quyết định kháng nghị số 26/QĐKNPT-DS đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.] Nguồn gốc thửa đất vợ chồng ông Lê Văn T đang sử dụng là của ông Lê Phú H3 sử dụng ổn định từ trước năm 1984; đến năm 1987, ông H3 tặng cho mẹ là bà Nguyễn Thị Kim H1. Bà H1 sử dụng ổn định đến năm 2010 thì được chính quyền địa phương xác nhận đất không có tranh chấp và được UBND thành phố T2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 330324 ngày 31/12/2010, diện tích 2.599 m² thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 06, xã T4. Sau đó, bà H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 975302 ngày 18/11/2016, diện tích 2.591 m² thửa đất số 230, tờ bản đồ số 08, xã T4. Ngày 11/7/2017, bà H1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Trần Thế Đ1. Ngày 24/10/2017, vợ chồng ông Trần Thế Đ1, bà Nguyễn Thị H2 chuyển nhượng cho ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T1 2.591 m² đất nêu trên. Thực tế, hiện nay vợ chồng ông Đ1, bà T1 đang sử dụng 2.133,6m², giảm 457,4 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không Bo gồm 167,2 m² đất tranh chấp và chồng lấn là 12,9 m²).

[2.] Thửa đất của ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H có nguồn gốc do cha mẹ để lại, vợ chồng ông B bà H sử dụng từ năm 1979, được chính quyền địa phương xác nhận sử dụng ổn định, không có tranh chấp trên đất có nhiều cây lâu niên từ trước 1975, diện tích 2.164 m², thửa đất số 25, tờ bản đồ số 06, xã T4. Sau đó, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 975307 ngày 18/11/2016, diện tích 2.482 m² thửa đất số 6, tờ bản đồ số 9, xã T4. Thực tế, hiện nay vợ chồng ông B, bà H đang sử dụng 2.501 m², tăng 18,7 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không Bo gồm 167,2 m² đất tranh chấp)

[3.] Qua đo đạc diện tích đất sử dụng thực tế so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng thì ông T, bà T1 sử dụng đất bị thiếu, ông B, bà H sử dụng đất tăng. Tuy nhiên,

xem xét thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà T1 và thực tế sử dụng đất thì thấy rằng:

[3.1] Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Thửa đất số 230 có tứ cận: Đông giáp đất ông Lê Phú H3, Tây giáp đất ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H và đất ông Phan Trọng T5, Nam giáp đường bê tông, Bắc giáp đất bà Trương Thị N và đất ông Trần Văn D. Khi làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 năm 2010, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới do cơ quan chuyên môn lập không có chữ ký của hộ liền kề là ông B, bà H là vi phạm khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 vì điều kiện không có tranh chấp để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thể hiện thông qua việc các hộ gia đình, cá nhân sinh sống xung quanh diện tích đất đó ký giáp ranh xác nhận không có tranh chấp và tính đến thời điểm làm hồ sơ xin cấp giấy không có đơn tranh chấp. Năm 2016, khi tiến hành cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới lại xác định phía Tây thửa đất giáp đất bà Trương Thị N và bà Lê Thị Lũy là không đúng thực tế, hiện trạng sử dụng đất của các hộ (lẽ ra phía Tây giáp đất ông B, bà H mới đúng).

[3.2] Về thực tế sử dụng đất khi đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo bà H1 xác định thì thửa đất của gia đình bà với các thửa đất xung quanh không có ranh giới cụ thể, không xác định được diện tích cụ thể là bao nhiêu, diện tích đất là do cơ quan chuyên môn đo đạc khi cấp đất và bà chuyển nhượng theo diện tích đã được cấp ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H1 cũng thừa nhận, toàn bộ số cây thông liễu trên diện tích đất tranh chấp là của hộ ông B, bà H. Lời khai của bà H1 là phù hợp với lời khai của các nhân chứng là các hàng xóm liền kề, cao tuổi, sinh sống lâu năm tại đây như ông Phan Trọng T5, bà Phan Thị X, bà Đoàn Thị S, bà Phan Thị K, ông Trần Đình P về việc số cây trên đất tranh chấp là do cha của bà H là ông Phạm P1 trồng từ trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặc dù diện tích đất tranh chấp là do ông B, bà H đang quản lý, sử dụng, trên đất có cây trồng thuộc quyền sở hữu của ông B, bà H nhưng khi đo đạc, xác định ranh giới thửa đất của bà H1 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan chuyên môn lại xác định diện tích đất này thuộc thửa đất của bà H1 là không đúng với hiện trạng sử dụng đất thực tế của các hộ từ trước đến nay.

[3.3] Như vậy, khi lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H1, cơ quan chuyên môn đã có sai sót khi xác định ranh giới giữa các hộ, diện tích đất do hộ ông B, bà H đang quản lý, sử dụng lại đo đạc, quy chủ cho bà H1 và cũng không cho gia đình ông B ký Biên bản xác định ranh giới, mốc giới nên không phát hiện sai sót này là vi phạm khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

[4.] Từ những phân tích trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H1 (chỉnh lý biến động sang ông T, bà T1) trong khi đó thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là không đúng với thực tế, vi phạm pháp luật. Không xem xét nguồn gốc đất, thực tế sử dụng đất đã có cây từ trước năm 1975, mà buộc ông B, bà H trả lại cho ông T, bà T1 167,2 m² và bác yêu cầu của ông B, bà H về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất cấp cho ông T, bà T1 là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật.

[5.] Kháng cáo của vợ chồng ông B, bà H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông B, bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6.] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì những lẽ trên

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt” giữa nguyên đơn là ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T1 với bị đơn là Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H.

2. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T1 về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H trả lại diện tích đất 167, 2 m² tại thửa đất số 230 tờ bản đồ số 8, thôn T3, xã T4, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 975302 ngày 18/11/2016 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H1

2. Chi phí xem xét, thẩm định, đo vẽ diện tích đất tranh chấp và định giá tài sản là 25.097.000 đồng, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu. Ông T, bà T1 đã nộp và chi xong.

3. Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 003216 ngày 13/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T2.

Ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về các phần còn lại không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn